

# **NGÂN SÁCH CÂN BẰNG VÀ TÀI TRỢ THÂM HỤT NGÂN SÁCH**

---

**Chương trình Thạc sỹ chính sách công  
Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright**

Vũ Thành Tự Anh

1

## **Nội dung trình bày**

---

- ❑ Các lập luận ủng hộ và phản đối ngân sách cân bằng
- ❑ Đo lường thâm hụt ngân sách
- ❑ Thâm hụt ngân sách và ổn định vĩ mô
- ❑ Tài trợ thâm hụt ngân sách
  - Một số đặc tính của nợ chính phủ
  - Một số cạm bẫy thường gặp
  - Phương thức tài trợ thâm hụt

---

2

## **Lập luận ủng hộ ngân sách cân bằng**

- ❑ Quy định ngân sách cân bằng là công cụ khách quan để phi chính trị hóa các quyết định ngân sách vốn rất khó khăn
- ❑ Giúp cải thiện hiệu quả kinh tế
- ❑ Hỗ trợ cho chính sách tiền tệ cẩn trọng
- ❑ Tăng tính nhất quán và khả năng tiên liệu của chính sách chi tiêu công

3

## **Lập luận phản biện ngân sách cân bằng**

- ❑ ROI và phát triển kinh tế biện minh cho thâm hụt ngân sách
- ❑ Phản ứng với suy giảm kinh tế tạm thời
- ❑ “Mua” ổn định và hòa bình
- ❑ Dự báo nguồn thu nội địa tăng mạnh
- ❑ Tuy nhiên, nếu nguồn thu tương lai bị ước tính quá cao thì việc trả nợ có thể:
  - Làm lãng phí nguồn lực khan hiếm
  - Gây ra sự chèn lấn khu vực tư nhân
  - Tăng gánh nặng cho các thế hệ tương lai

4

## **Lập luận trung hòa**

- Phân biệt các thành phần của ngân sách
  - Chi thường xuyên so với chi đầu tư
  - Ngân sách cân bằng động
- Sử dụng khung thời gian nhiều năm
  - Giải quyết dần thâm hụt ngân sách
  - Mục tiêu ngân sách cân bằng trung hạn

5

## **Đo lường thâm hụt ngân sách**

- Thâm hụt ngân sách thực sv. danh nghĩa
- Thâm hụt ngân sách cấu trúc (structural) hay tiêu chuẩn hóa (standardized)
- Thâm hụt ngân sách cơ bản (primary deficit)
- Thâm hụt ngân sách hằng năm sv. trung hạn và dài hạn
- Thâm hụt trong sv. ngoài ngân sách

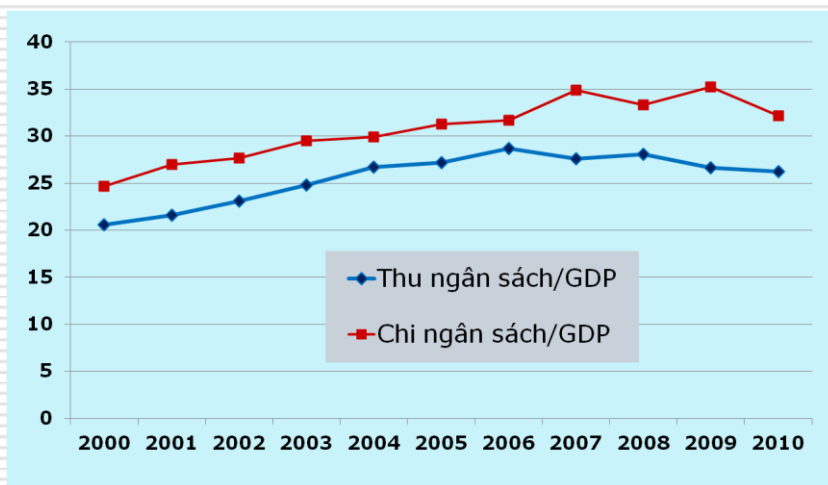
6

## Tác động vĩ mô của thâm hụt ngân sách

- Vai trò của chính sách tài khóa đối với ổn định kinh tế vĩ mô (thăng trầm ngắn hạn)
  - Thâm hụt ngân sách để kích thích kinh tế
- Thâm hụt ngân sách và lạm phát
- Thâm hụt ngân sách và hiệu ứng chèn lấn
- Thâm hụt ngân sách và lãi suất

7

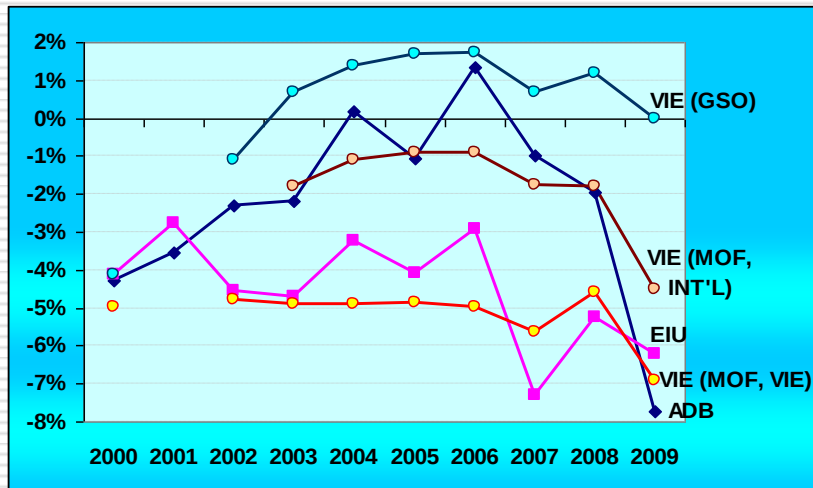
## Thu, chi, thâm hụt ngân sách ở Việt Nam



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Bộ Tài chính

8

## Thâm hụt ngân sách của Việt Nam thực sự là bao nhiêu?

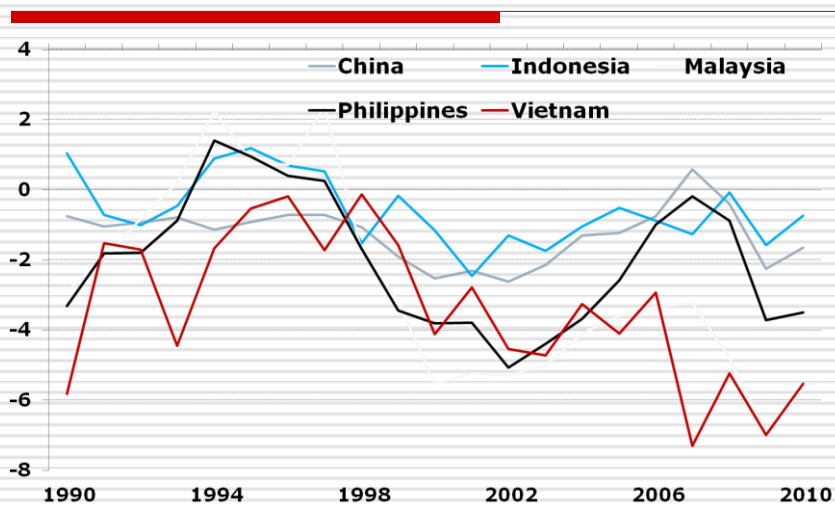


Tất cả những con số này đều không không đúng!<sup>9</sup>

## Các khoản thu-chi ngoài ngân sách

- Ngoài ngân sách:
  - Trái phiếu dự án (cho giao thông, thủy lợi v.v.)
  - Rút vốn viện trợ và vay nước ngoài về cho vay lại
  - Hỗ trợ lãi suất
- Tài trợ ngoài ngân sách:
  - Trái phiếu chính phủ
  - Mua bán trái phiếu với bảo hiểm xã hội
  - Vay khế ước của ngân sách với BHXH
  - Vay từ quỹ tích lũy trả nợ
  - Vay từ quỹ hỗ trợ cổ phần hóa ...

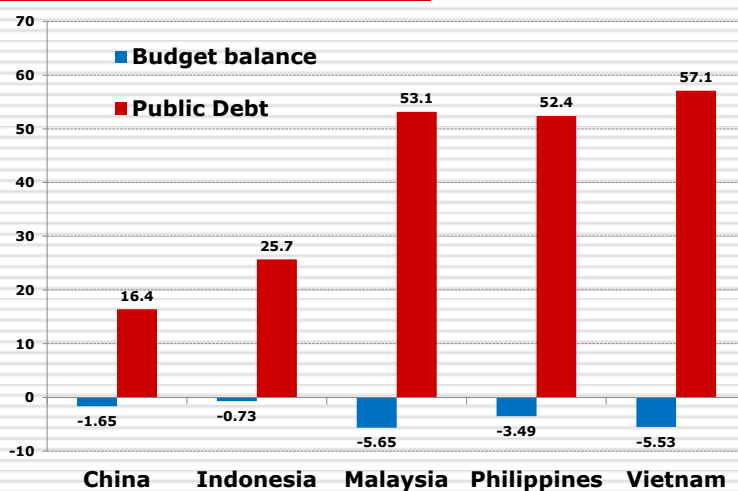
## Việt Nam từ góc nhìn so sánh Thâm hụt ngân sách (% GDP)



Nguồn: EIU

11

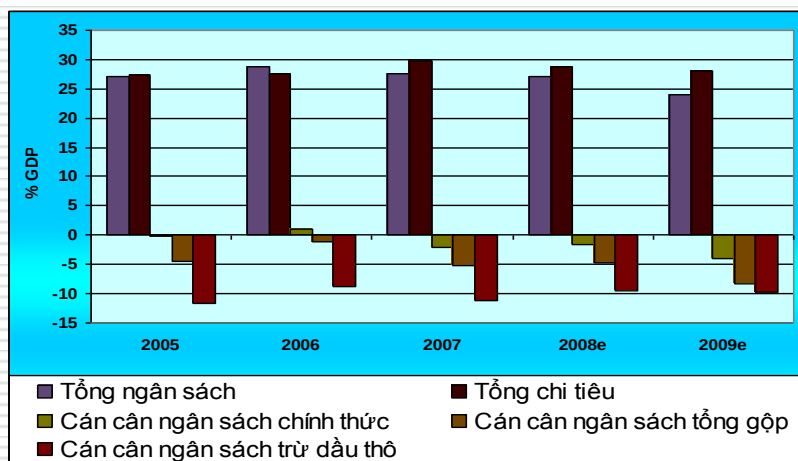
## Việt Nam từ góc nhìn so sánh Nợ công và thâm hụt ngân sách (% GDP)



Nguồn: EIU, 2012

12

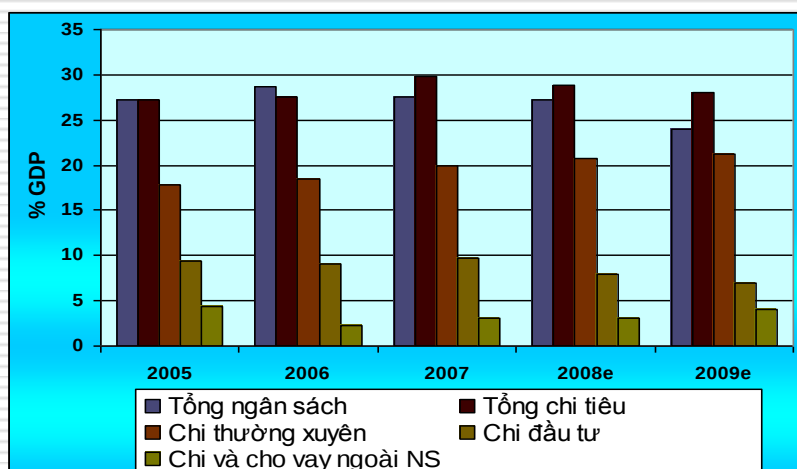
## Cán cân ngân sách ở Việt Nam



Nguồn: IMF, Country Report (April 2009)

13

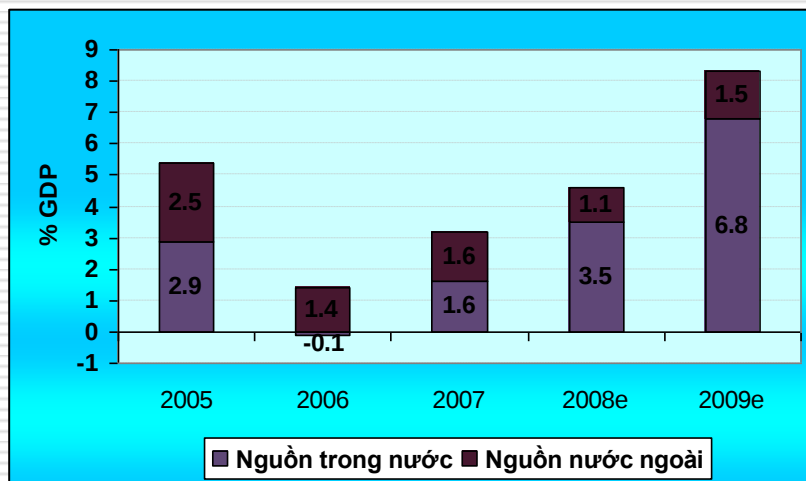
## Thu sv. chi ngân sách



Nguồn: IMF, Country Report (April 2009)

14

## Tài trợ thâm hụt ngân sách



Nguồn: IMF, Country Report (April 2009)

15

## Tài trợ thâm hụt ngân sách

- Vay trong nước
  - Phát hành trái phiếu VND
  - Phát hành trái phiếu USD
    - Trái phiếu USD, đô-la hóa và chính sách tỷ giá
- Vay nước ngoài
  - Nợ quốc gia
  - Phát hành trái phiếu quốc tế
- Tiền tệ hóa thâm hụt ngân sách

16

## Kinh tế Việt Nam từ góc nhìn so sánh

|                                    | VIE<br>01-05 | VIE<br>06-10 | ASEAN<br>06-10 | CHN<br>06-10 | IND<br>06-10 | PHI<br>06-10 | THA<br>06-10 |
|------------------------------------|--------------|--------------|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| <b>Tăng trưởng và lạm phát (%)</b> |              |              |                |              |              |              |              |
| Tốc độ tăng trưởng GDP             | 7.4          | 7.0          | 5.2            | 11.2         | 5.7          | 5.2          | 3.6          |
| Tốc độ tăng CPI                    | 4.5          | 10.9         | 6.1            | 3.0          | 7.8          | 5.0          | 2.9          |
| <b>Chính sách tài khóa (% GDP)</b> |              |              |                |              |              |              |              |
| Cán cân ngân sách                  | -3.9         | -5.6         | -1.8           | -0.9         | -0.9         | -1.9         | -1.6         |
| Tổng thu ngân sách                 | 24.7         | 28.2         | 17.9           | 19.4         | 17.6         | 15.0         | 18.0         |
| Tổng chi ngân sách                 | 28.6         | 33.8         | 19.7           | 20.3         | 18.4         | 16.9         | 19.6         |
| Tổng vốn đầu tư cố định            | 32.0         | 34.9         | 25.4           | 42.1         | 28.0         | 17.2         | 26.2         |
| Nợ chính phủ                       | 40.4         | 47.8         | -              | 17.2         | 29.2         | 55.5         | 40.9         |
| Tỷ lệ tiết kiệm/dầu tư (%)         | 95.8         | 83.1         | 126.2          | 117.3        | 106.2        | 125.9        | 117.5        |
| <b>Chính sách tiền tệ (%/năm)</b>  |              |              |                |              |              |              |              |
| Tốc độ tăng tiền M2                | 27.1         | 31.1         | -              | 20.8         | 15.5         | 12.9         | 8.3          |
| Tốc độ tăng dư nợ tín dụng         | 31.1         | 35.5         | -              | 18.9         | 12.3         | 9.1          | 5.5          |

Nguồn: EIU